

TRỤC 1 ĐẦU BẬC CÓ 1 ĐẦU REN TRONG, 1 ĐẦU REN NGOÀI VÀ RÃNH SIẾT CỜ LÊ

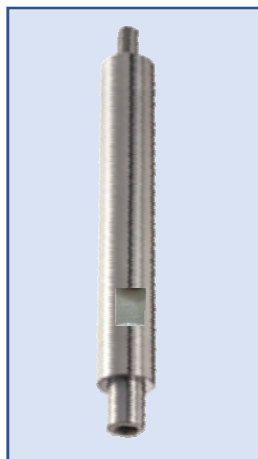
ONE END STEPPED SHAFT - ONE END FEMALE THREAD – ONE END MALE THREAD – WRENCH FLATS



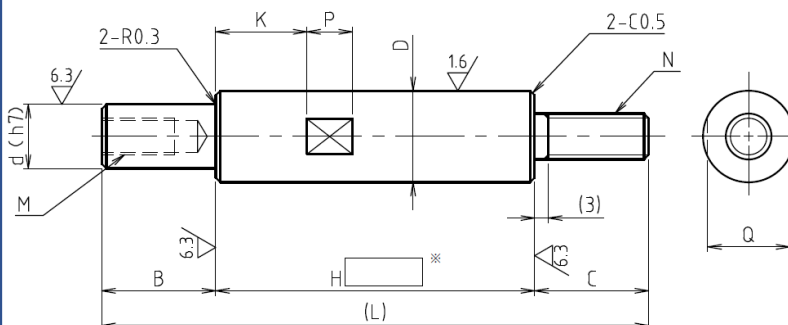
Mã đặt hàng/Order

Mã Loại Type code	- D	- H	- d	- B	- C	- M	- N	- K	-
									A
									B
									C

EX: LXWP - D25 - H300 - d20 - B30 - C30 - M8 - N8 - K40 - A



Thông số kích thước có thể tùy chỉnh
Dimensions can be customized



Loại Type	Vật liệu Materials	Độ cứng Hardness	Xử lý bề mặt Surface Treatment
LXWP	T.Đương SUJ2 SUJ2 Equiv.	55-62 HRC	Mạ Crom cứng HCr Hard Chrome Plating
CLXWP	S45C		
SLXWP	SUS304		

Loại Type	Đường kính Diameter				H (Gia số 1mm) (1mm Increment)	B	C	d	M,N	K	Q	P
	Dung sai Tolerance D	g6		h7								
		SUJ2	S45C	SUS304								
LXWP CLXWP SLXWP	10	○	○	○	25-800	2 ≤ B ≤ d×4	N+3 ≤ C ≤ N×5	6 – 8	3 – 6	K ≤ (H-P)	8	10
	12	○	○	○	25-1000			6 – 10	4 – 8		10	12
	13		○					6 – 11			11	
	15			○				6-13	4 – 10		13	
	16	○	○					6 – 14			14	
	20	○	○	○	25-1500			8 – 17	4 – 12		17	
	25	○	○	○				8 – 22	4 – 16		22	
	30	○	○					9 – 27	4 – 20		27	20

Các kích thước không đề cập dung sai vui lòng tra dung sai tiêu chuẩn ở bảng 2 trang 1.

The dimensions not mentioned the tolerances please refer to the standard tolerance in table 2 page 1.



GIAO HÀNG NHANH CHÓNG
DELIVERY AS SOON AS POSSIBLE



DUNG SAI TÙY CHÍNH
REQUIRED TOLERANCE

Kích thước tùy chỉnh H Customized length H	Dung sai yêu cầu	Dung sai Tolerance	Áp dụng cho H Apply to H
	A	± 0.03	$H \leq 600$
	B	± 0.05	$H \leq 800$
	C	± 0.1	$H \leq 1000$

✂ Có thể yêu cầu dung sai cho kích thước này. (You may specify the tolerance based on this dimension)